

Mường Phăng, ngày 20 tháng 8 năm 2024

Số: 34^o/BC-THCSVNG

**BÁO CÁO CÔNG KHAI CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT
NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện văn bản số 942/PGDD-TCCB, ngày 20/6/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, về việc thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng báo cáo kết quả thực hiện công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục năm học 2024- 2025 (theo Điều 4 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC, NĂM HỌC 2024- 2025

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Bản Đông Mệt 1, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ thư điện tử: thcsvonguyengiap2022@gmail.com

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan trực tiếp; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Cơ quan quản lý chuyên môn: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường căn cứ vào mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (Điều 2 của Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019). Chiến lược phát triển của nhà trường xây dựng dựa trên định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo từng giai đoạn, được

nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Mường Phăng nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết của HĐND các cấp đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ để thực hiện phương hướng chiến lược của nhà trường.

Mục tiêu của nhà trường:

+ Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo trong dạy học; học sinh có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất trong học tập, cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

+ Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp.

+ Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục nhà trường; triển khai hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp.

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn an ninh trường học, công tác Phòng cháy, chữa cháy; chủ động phòng, chống, ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh trong nhà trường.

+ Nhà trường duy trì chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; học sinh thi vào lớp 10 THPT (trú trọng thi vào trường dân tộc nội trú).

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng được thành lập năm 2000. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có tường bao khép kín, có cổng trường, biển trường theo qui định.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển (tính từ 2000 đến nay), trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng đã gặp không ít khó khăn về CSVC, song nhà trường đã được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, của phòng GD&ĐT, UBND thành phố Điện Biên Phủ đầu tư xây dựng CSVC. Với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ CB, GV, NV, sự ủng hộ nhiệt tình của PHHS và HS, trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng đối với sự tin cậy của nhân dân. Từ năm 2000 đến nay, trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc; nhiều năm được Bằng khen của UBND tỉnh. Hiện nay, trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 25 đảng viên, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường, hàng năm liên tục đạt Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh được xếp loại HTXS NV. Tổ chức Công đoàn hoạt động đúng chức năng, đạt thành tích xuất sắc, luôn là tổ chức Công đoàn vững mạnh: Trong nhiều năm liên tiếp được Liên Đoàn lao động thành phố công nhận là tổ chức

công đoàn vững mạnh. Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ HS đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh luôn là tổ chức cho các hoạt động phong trào của học sinh. Trường được công nhận đạt Chuẩn PCGD THCS từ năm 2005, được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm 2011.

Trong những năm qua, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư về CSVC phục vụ công tác dạy và học như: Xây dựng nhà ở nội trú của học sinh và nhà tập Đa năng cho HS hoạt động TDTT. Sửa chữa nâng cấp toàn bộ các phòng học, phòng chức năng, tường bao. Lắp đặt hệ thống camera ở tất cả các khu vực trong nhà trường. Mua sắm nhiều trang thiết bị mới phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập: máy tính, máy chiếu, bàn ghế chuẩn, bảng...; hệ thống trang thiết bị, đồ dùng dạy học khá đầy đủ và hiện đại, đảm bảo tốt cho các hoạt động dạy - học của nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ GV tương đối đồng đều về chuyên môn nghiệp vụ, năng động, sáng tạo và tâm huyết với nghề, luôn đạt thành tích cao trong giảng dạy và bồi dưỡng HSG và kết quả thi vào lớp 10 THPT.

Cụ thể: năm học 2024- 2025:

- Kết quả học sinh giỏi năm học 2024- 2025: Cấp thành phố: 01 giải; Cấp trường 19 giải.

- Kết quả thi vào lớp 10 năm học 2024-2025: trúng tuyển trường DTNT THPT huyện 10 học sinh, DTNT THPT tỉnh 14 học sinh, số học sinh TN THCS đỗ vào các trường THPT đạt trên 80%.

- Tham gia thi học sinh giỏi các môn văn hoá lớp 9 cấp thành phố đạt 6 giải khuyến khích (Sinh 01; Văn 01; Sử 01; Địa 01; GDCD 02).

- Tham gia thi học sinh giỏi các môn văn hoá lớp 9 cấp tỉnh đạt 01 giải ba môn sinh học.

- Tham gia thi KHKT cấp thành phố đạt 01 giải khuyến khích.

- Tham gia Hội khoẻ Phù đổng cấp thành phố đạt 16 giải:

- + 01 giải nhất: Môn điền kinh

- + 05 giải nhì: Môn điền kinh 02; bóng đá 01; đẩy gậy 02.

- + 10 giải ba: Môn bắn nỏ 01; đẩy gậy 04; cầu lông 03; điền kinh 02.

- + Tham gia các cuộc chơi Gameshow Âm vang Điện Biên đạt giải nhất; Dân vũ, điệu nhảy đường phố đạt giải Ba.

- + Tham gia lễ hội hoa anh đào Điện Biên Phủ năm 2024 đạt giải nhì Trại đẹp .

- + Thi Violympic cấp tỉnh đạt 7 giải (5 bạc, 02 đồng).

- + Thi HSG Olympic lớp 6,7,8 đạt 10 giải.

+ Tham gia giải bơi cấp thành phố 3 huy chương vàng, 7 huy chương bạc, 6 huy chương đồng. Đạt giải Nhì toàn đoàn.

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

+ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 8/49 đ/c.(Trung, Thảo, Phú, Hạnh, Thúc, Đ.Hùng, Tý, Nhài).

+ LĐTT: 49/49 đ/c.

+ UBND thành phố tặng giấy khen: 10/49 đ/c (Tĩnh, Quý, Sỹ, Phạm Hùng, Dung, Sâm, Thảo, Hào, Trần Văn, Ái).

- Tập thể:

+ UBND Tỉnh công nhận tập thể “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Với những thành tích đạt được trong năm học vừa qua nhà trường được công nhận tập thể lao động xuất sắc, được UBND tỉnh Điện Biên tặng Cờ “Thi đua xuất sắc”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên Hiệu trưởng: Nguyễn Thành Trung

Số điện thoại: 0915910046

Địa chỉ thư điện tử: thanhtrungmp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập:

Trường THCS xã Mường Phăng (nay là trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng) được thành lập năm 2000 theo Quyết định số 1022/2000/QĐ-UB ngày 17 tháng 8 năm 2000 của UBND huyện Điện Biên và được mang tên là trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng theo Quyết định số 362/QĐ-UBND, ngày 21/01/2014 của UBND huyện Điện Biên về việc đổi tên các trường học thuộc xã Mường Phăng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng:

- Quyết định số 122/QĐ- UBND, ngày 03/02/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Thành lập hội đồng trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng nhiệm kỳ 2023-2028. Danh sách các thành viên Hội đồng trường

1. Ông Nguyễn Thành Trung - Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng.
2. Ông (bà) Phó Chủ tịch (Phụ trách Văn - Xã) UBND xã Mường Phăng.
3. Ông (bà) Trưởng Ban Đại diện CMHS trường THCS Võ Nguyên Giáp.
4. Ông: Nguyễn Xuân Tĩnh - Giáo viên - Phó Chủ tịch Công đoàn.
5. Bà: Đào Thị Ái - Kế toán - Tổ trưởng tổ Văn phòng.

6. Ông: Cao Trọng Phúc - Giáo viên - Bí thư Đoàn TNCS HCM.
7. Bà: Trần Thị Hồng Vân - Giáo viên - Tổng phụ trách Đội TNTP HCM.
8. Ông: Nguyễn Tiến Sỹ - Giáo viên - Tổ trưởng tổ KHTN.
9. Bà: Lưu Thị Nga - Giáo viên.
10. Ông: Đỗ Văn Hải - Giáo viên.

11. Đại diện học sinh: Liên đội trưởng trường THCS Võ Nguyên Giáp

- Chủ tịch Hội đồng trường là ông Nguyễn Thành Trung, chức vụ hiệu trưởng, được công nhận tại Quyết định số 177/QĐ-UBND, ngày 21/02/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các trường MN, TH, TH&THCS, THCS trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

+ Hiệu trưởng: Bổ nhiệm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND, ngày 28/02/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ.

+ Phó hiệu trưởng Bùi Thị Thu Thảo: Bổ nhiệm theo Quyết định số 380/QĐ-UBND, ngày 05/4/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ.

+ Phó hiệu trưởng Đỗ Việt Hùng: Bổ nhiệm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ.

c. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Là trường hạng I, trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường trung học. Trường được bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng, các đồng chí đều có năng lực quản lý, năng động, sáng tạo trong quản lý. Trường có 04 tổ chuyên môn (gồm các tổ: KHTN, Ngữ văn- LS&DL, Toán Tin, HĐGD-Tiếng anh- GD&CD- Công nghệ- Nghệ thuật) và 01 Tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Đội TNTPHCM.

d. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ và tên Hiệu trưởng: Nguyễn Thành Trung

Số điện thoại: 0915910046

Địa chỉ thư điện tử: thanhtrungmp@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Đông Mệt 1, xã Pá Khoang, TP Điện Biên Phủ,

tỉnh Điện Biên.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2024-2025; 2025-2026 số 28/KH-THCSVNG, ngày 18/5/2024; Kế số 25/KH-THCSVNG ngày 15/3/2015, kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 ngày 24/3/2015.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục.
- Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường năm 2025.
- Các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Cán bộ quản lý: 03 (Hiệu trưởng 01, PHT 02).
- Giáo viên: 42 (41 GV trực tiếp giảng dạy, tổng phụ trách đội 01).
- Nhân viên: 05 (Kế toán 01, Y tế 01, NVPV 01, bảo vệ 02).
- Trình độ: Thạc sỹ 1, ĐH 44, cao đẳng 02, trung cấp 01, chưa qua đào tạo 02

b. Giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: $45/45 = 100\%$.

c. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $50/50 = 100\%$.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a. Diện tích đất xây dựng trường: 9610m^2 , bình quân $12,2\text{m}^2$ / học sinh; diện tích xây dựng khu nhà công vụ giáo viên điểm 1: 135m^2 , điểm 2: 400m^2 .

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, TDTT; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m^2 /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-

7	Bình quân lớp/phòng học	22/22	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9610	12,2
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1100	1.9
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1026	1.7
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	433	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	48	
3	Diện tích thư viện (m ²)	43	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác ()(m ²)		
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	23	Số học sinh/bộ

	Nội dung	Số lượng (m ²)
VIII	Nhà bếp	1 (15 m²)
IX	Nhà ăn	1 (75 m²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
X	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19 (300m ²)	152	2m ²
XI	Khu nội trú (diện tích cả khu NT)	1350		

XII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XIII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh (Giếng khoan)	x	
XIV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVI	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XVII	Tường rào xây		x

c. Số thiết bị hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

XVIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	2	2/6
2	Khối lớp 7	2	2/5
3	Khối lớp 8	2	2/5
4	Khối 9	2	2/5

XIX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	27	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	8	8/22
2	Đài	20	20/22
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	7/22
5	Thiết bị khác: Đàn oc gan	01	1/22

d. Danh mục SGK sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Lớp 6 (sách kết nối tri thức với cuộc sống)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6 Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyên Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyên Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lun, Nguyễn Thanh	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6 Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyên Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá	Giáo dục Việt Nam
	Toán 6 Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyên Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lun Bá	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6 (English Discovery)	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Hoàng Thị Minh Lý	Đại học Sư phạm
4	Tiếng Anh 6 Tập Một	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyên Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 6 Tập Hai	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyên Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn	Giáo dục Việt Nam

5	Giáo dục công dân 6	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị	Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 6	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 6	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 6	Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
9	Công nghệ 6	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ thuật 6	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 6	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam

Lớp 7

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam

7	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương.	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam

Lớp 8

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
2	Lịch sử và địa lý 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lý), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 8, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu	Giáo dục Việt Nam

		Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
	Toán 8, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Doan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
4	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng, (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Giáo dục Việt Nam
5	KHTN (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ, (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
6	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục công dân 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mĩ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	- Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
12	HĐTN (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy - Tổng chủ biên; Trần Thị Thu – Chủ biên; Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thúy	Giáo dục Việt Nam

Lớp 9

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	
8	Mỹ thuật 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 9	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn	Nhà xuất bản

	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9- Mô đun Chế biến thực phẩm Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Khoa học tự nhiên 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Cấp độ 2.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

Năm 2011: Công nhận trường đạt chuẩn kiểm định mức độ 3, trường đạt chuẩn quốc gia.

Năm 2015: Công nhận trường đạt chuẩn kiểm định mức độ 3, trường đạt chuẩn quốc gia sau 05 năm.

Năm 2020: Công nhận trường đạt chuẩn kiểm định cấp độ 2, trường đạt chuẩn quốc gia sau 10 năm.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không.

III. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh học sinh lớp 6

- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả những học sinh lớp 5 học tại các trường TH trên địa bàn hai xã Mường Phăng, xã Pá Khoang đã hoàn thành chương trình tiểu học và các học sinh khuyết tật học hòa nhập. Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học ở các xã, phường trong và ngoài địa bàn thành phố Điện Biên Phủ có nhu cầu học tại trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Thời gian tuyển sinh: Tuần 1 của tháng 6 (xong trước ngày 10 tháng 6)

- Hồ sơ dự tuyển:

+ Đơn xin dự tuyển (Mẫu đơn do trường TH-THCS, THCS quy định).

+ Giấy khai sinh (bản sao) hợp lệ.

+ Bản chính hoặc bản sao (công chứng) học bạ cấp Tiểu học.

+ Một ảnh cỡ 3cm x4cm kiểu ảnh chứng minh nhân dân (ảnh chụp trong phong bì, mặt sau ảnh ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh lưu tại trường để kiểm tra và dán trang đầu học bạ THCS khi học sinh trúng tuyển).

+ Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ xác nhận có liên quan tới chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

+ Đối với học sinh khuyết tật: Có kế hoạch giáo dục cá nhân và giấy chứng nhận học sinh khuyết tật (do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định).

b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Có đầy đủ theo quy định, triển khai thực hiện từ 05/9/2024.

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: Có.

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh: Tổ chức hoạt động trải nghiệm, chương trình tuyên truyền về ATGT, phòng tránh tai nạn đuối nước, phòng chống ma túy, an toàn thực phẩm, tác hại của rượu bia...

đ. Thực đơn hằng ngày của học sinh bán trú: có, niêm yết trên bảng tin hằng ngày.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024:

a. Tuyển sinh, quy mô số lớp, số học sinh

- Kết quả tuyển sinh học sinh lớp 6: 235/235 đạt 100%.

- Tổng số học sinh: 792. Trong đó: nữ: 372, nam : 420, học sinh dân tộc 778/792 chiếm 98,2%

Chia ra theo khối lớp:

Lớp	Số lớp	TS HS đầu năm học	Số HS bình quân/lớp	HS khuyết tật	HS học 2 buổi/ngày	TSHS cuối năm học	HS chuyển đến (+), chuyển đi (-)
6	6	234	232	1	0	232	- 2
7	5	194	194	0	0	194	
8	5	183	183	4	0	183	
9	5	181	173	2	0	173	- 8
Tổng	21	792	782	7	0	782	-10

b. Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, số lượng học sinh không được lên lớp:

*** Chất lượng hai mặt giáo dục**

- Khối 6,7,8

TS	Kết quả rèn luyện				Kết quả học tập			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
609	463	128	18	0	29	251	329	0
Tỉ lệ %	76,0	21,0	2,9		4,8	41,2	54,0	

Học sinh được lên lớp: 609/609 đạt 100%.

- Khối 9: Đánh giá theo mô hình trường học mới

TS	Phẩm chất			Năng lực			Học tập		
	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Có nội dung chưa hoàn thành
172	124	47	1	8	117	47	8	119	45
Tỉ lệ %	72,1	37,3	0,6	4,7	68,0	37,3	4,7	68,0	37,3

Học sinh tốt nghiệp THCS 172/172 đạt 100%. Học sinh trúng tuyển vào trường nghề: 12/172= 6,9%.

3. Thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không.

Trên đây là báo cáo công khai của trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng theo Thông tư 09/2024/TT- BGDĐT ngày 03/6/2024./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV, PH, HS;
- Trên Website;
- Lưu VT, hồ sơ trường.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Trung